Ký bởi: VĂN PHÒNG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
Thời gian ký: 17/05/2025 10:07:24

PHỤ LỤC: TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ
LẬP QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP NA DƯƠNG, TỶ LỆ 1/2.000

(Kèm theo Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 17/5/2025 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN	Ghi chú
1	Chi phí khảo sát địa hình	G1	Dự toán chi tiết	337.922.390	
2	Chi phí lập đồ án quy hoạch phân khu	G2	1	1.437.244.600	
	- Chi phí lập đồ án quy hoạch phân khu (220,3ha)	*1*	*1.306.586.000 đồng x 1,1*	*1.437.244.600*	*Bảng số 7 - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019*
3	Lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý (GIS)	G3	10,0 % x 1.437.244.600 đồng	143.724.460	Văn bản số 668/SXD-QHKT&PTĐT ngày 26/4/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G4	6,9 % x 1.306.586.000 đồng	89.982.330	Bảng số 11 - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
5	Chi phí quản lý việc lập đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G5	6,5 % x 1.306.586.000 đồng	84.755.986	Bảng số 11 - Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
6	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G6	2,0 % x 1.306.586.000 đồng	26.131.720	Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN	Ghi chú
7	Chi phí công bố quy hoạch (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G7	3,0 % x 1.306.586.000 đồng	39.197.580	
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn (Khảo sát địa hình; Lập đồ án quy hoạch)	G8	0,744 % x 1.613.788.173 đồng x 1,08	12.975.715	Bảng 2.18 - Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021
9	Chi phí khác	G9		44.029.940	
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		*0,57 % x TMĐT*	*12.380.028*	*NĐ 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021*
	- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		*3,00 % x 337.922.390* đồng	*10.137.672*	*Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021*
	- Chi phí giám sát công tác khảo sát		*4,072 % x 337.922.390* đồng	*13.760.200*	*Bảng 2.23 - Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021*
	- Chi phí kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ (Tạm tính)		*20,00 % x 13.760.200* đồng	*2.752.040*	*Tạm tính theo TT 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021*
	- Chi phí thẩm định HSMT		*Định mức tối thiểu*	*2.000.000*	*NĐ 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024*
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		*Định mức tối thiểu*	*3.000.000*	
	TỔNG CHI PHÍ TƯ VẤN	**G**	**G1+G2+…+G9**	**2.215.964.722**	
	LÀM TRÒN			**2.215.965.000**	